

Phụ lục I-B
ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Ghi chú: Định mức tính dựa trên mức bình quân 35 học sinh/lớp; mỗi lớp học 2 buổi/ngày, tổ chức ăn bán trú tại trường (15 học sinh/lớp đối với trường dành cho người khuyết tật)

STT	Quy mô trường lớp	Số lớp	Số HS/lớp	Số học sinh toàn trường	Lao động trực tiếp		Lao động gián tiếp										Định mức lao động trên trẻ	Trong đó:	
					Định mức giáo viên/lớp	Định mức GV/HS	Trong đó:											Tỷ lệ lao động trực tiếp (%)	Tỷ lệ lao động gián tiếp (%)
							Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Thư viện, quản trị công sở	Văn thư, thủ quỹ, kế toán	Nhân viên giáo vụ, tư vấn học sinh	Tổng phụ trách đội TNTP	Nhân viên hỗ trợ GD người khuyết tật (nếu có)	Nhân viên hỗ trợ, phục vụ	Cộng	Định mức lao động gián tiếp/trẻ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=16/5	18=7+17	19=7/18*100	20=17/18*100
I	Trường có từ 28 lớp trở lên	28	35	980	1.5	0.043	1	2	2	2	2	1		3	13	0.0133	0.058	73.51	22.75
1	Có từ 20 học sinh khuyết tật hòa nhập trở lên	28	35	980	1.5	0.043	1	2	2	2	2	1	2	3	15	0.0153	0.058	73.51	26.25
2	Có dưới 20 học sinh khuyết tật hòa nhập	28	35	980	1.5	0.043	1	2	2	2	2	1	1	3	14	0.0143	0.057	75.00	25.00
II	Trường có từ 27 lớp trở xuống	27	35	945	1.5	0.043	1	2	1	2	2	1		3	12	0.0148	0.058	74.33	25.67
1	Có từ 20 học sinh khuyết tật hòa nhập trở lên	27	35	945	1.5	0.043	1	2	1	2	2	1	2	3	14	0.0148	0.058	74.33	25.67
2	Có dưới 20 học sinh khuyết tật hòa nhập	27	35	945	1.5	0.043	1	2	1	2	2	1	1	3	13	0.0138	0.057	75.64	24.36